

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2018

*"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con và chia tài sản khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY- TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Xê
2. Ông Đỗ Trung Tuấn

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đình Mười, Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: Xóm 4, thôn Q, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân C, địa chỉ: Xóm 4, thôn Q, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Quỹ tín dụng nhân dân xã L, do ông Đoàn Phúc T, giám đốc đại diện, vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 03/10/2017, bản tự khai ngày 20/10/2017 và các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị thu H đều trình bày: Chị và anh C trước đây yêu nhau và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 16/11/2001. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ đó đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C thường xuyên cờ bạc, rượu trà bê tha, gây gổ, đánh đập chị nhiều lần. Năm 2015 chị đã làm đơn ly hôn, được Tòa án vận động, hòa giải, anh C có phần biến chuyển, thay đổi nên chị đã rút đơn để vợ chồng tiếp tục xây dựng hạnh phúc và nuôi con nhưng sau khi trở

lại, anh C vẫn chứng nào tật đó không thay đổi mà còn đối xử với chị ngày càng thậm tệ hơn. Trong thời gian Tòa án hòa giải, anh C vẫn gây gỗ đánh đập chị chấn thương vùng thóp mũi phải đi điều trị tại bệnh viện đa khoa huyện L từ ngày 26/3 đến ngày 29/3/2018. Không chịu đựng nổi, chị đã bỏ về sống bên nhà chị gái của chị từ ngày đi viện về cho đến nay, không ai còn quan tâm gì đến ai nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn anh C.

Anh C trình bày qua bản tự khai ngày 20/10/2017, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa: Về tìm hiểu, yêu nhau và kết hôn đúng như chị H trình bày. Vợ chồng sống chung hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh bị lừa vay tiền nặng lãi nên vợ chồng gây gỗ, xâu xé nhau nhưng sau đó anh đã nhờ anh em trong gia đình giúp đỡ anh trả nợ, việc này không liên quan đến vợ. Anh thừa nhận trong thời gian chung sống với nhau anh đã có nhiều sai sót để vợ chồng lúng túng nhưng không phải vì thế mà vợ chồng mất hết tình cảm. Qua các lần hòa giải, anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm và muốn đoàn tụ để cùng nhau nuôi con, Tòa án cũng đã hòa giải nhiều lần mà chị H vẫn cương quyết ly hôn, anh đã có thiện chí và thay đổi nhưng chị H vẫn không bằng lòng mà thể hiện căng thẳng hơn nên anh không có phương pháp gì để níu kéo nữa. Tại phiên tòa anh khẳng định lại, tình cảm vợ chồng hiện nay thực sự đã hết và nhất trí ly hôn.

Con chung: Chị H, anh C có 03 con chung: Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 24/9/2002, Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 15/3/2008, Nguyễn Xuân T, sinh ngày 20/8/2009. Chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Anh C cũng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con nhưng theo nguyện vọng của các con nên anh chấp nhận giao cả ba con cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 1.500.000 đồng, vì anh thu nhập chính từ làm ruộng, ngoài ra làm nghề phụ là sửa chữa điện, thu nhập không ổn định.

Tài sản chung: Chị H, anh C thống nhất vợ chồng có những tài sản chung và yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Một nhà ở cấp 4 làm năm 2008 trị giá 100.000.000 đồng;
- Một thửa đất ở có diện tích 102,4m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng trị giá 400.000.000 đồng;
- Một tủ nhựa trị giá 1.000.000 đồng;
- Một tủ lạnh trị giá 2.000.000 đồng;
- Một máy giặt trị giá 1.000.000 đồng;
- Một bếp ga trị giá 200.000 đồng;
- Một cái giường trị giá 200.000 đồng;
- Một ti vi trị giá 500.000 đồng.

Tổng cộng toàn bộ tài sản: 504.900.000 đồng

Nợ chung tại Quỹ tín dụng nhân dân xã L tiền vay gốc 93.000.000 đồng và lãi đã quá hạn từ ngày 06/3/2018.

Về nhà và đất ở, cả chị H và anh C đều có nguyện vọng chia nhà, đất để ở nếu không chia được, chị H cũng như anh C đều yêu cầu được ở nhà và sử dụng đất, có

trách nhiệm trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã và giao chênh lệch tài sản cho bên kia. Song sau khi nghe phân tích của Hội đồng xét xử, chị H anh C thỏa thuận giao toàn bộ nhà, đất và các tài sản trên cho chị H được sở hữu, sử dụng. Chị H có trách nhiệm trả nợ quỹ tín dụng nhân dân xã Liên Thủy 93.000.000đồng tiền vay gốc và lãi và giao chênh lệch tài sản cho anh C 200.000.000đồng.

Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân xã L, ông Đoàn Phúc T trình bày: Anh Nguyễn Xuân C, chị Nguyễn Thị Thu H có vay của Quỹ tín dụng nhân dân xã L số tiền 93.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số: 21111.170188/HĐTD ngày 06/3/2017, thời hạn 12 tháng đến 06/3/2018, lãi suất 0,750%/tháng, nợ quá hạn được tính bằng 150% lãi suất cho vay. Tài sản thế chấp đảm bảo vốn vay là thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 978219, diện tích 102,4m² tại thôn Q, xã L mang tên Nguyễn Xuân C và Nguyễn Thị Thu H. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh C, chị H trả lãi đúng quy định, tuy nhiên khoản vay đã quá hạn từ ngày 06/3/2018. Quỹ tín dụng nhân dân xã L đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị H, anh C trả nợ cho Quỹ tín dụng số tiền gốc vay và lãi theo hợp đồng trước khi giải quyết cho ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án được đảm bảo đúng thủ tục quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H, anh C được ly hôn nhau; Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử: Công nhận sự thỏa thuận của anh C chị H giao ba con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, xử buộc anh C cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi; áp dụng các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai xử: Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh C giao cho chị H được sở hữu sử dụng toàn bộ tài sản tổng trị giá: 504.900.000đồng, chị H trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã L 93.000.000đồng và lãi quá hạn, đồng thời giao chênh lệch tài sản cho anh C số tiền 200.000.000đồng; án phí, lệ phí thẩm định tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận thấy chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Xuân C đăng ký kết hôn với nhau ngày 16/11/2001 tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C cờ bạc, rượu trà bê tha, đánh đập chị H nhiều lần dẫn đến mất mát tình cảm. Trước đây chị H đã một lần làm đơn ly hôn, anh C cũng đã nhận ra những thiếu sót của mình trong việc xây dựng bảo

vệ hạnh phúc gia đình. Tòa án đã vận động, hòa giải nên chị H rút đơn để vợ chồng hàn gắn, cải thiện lại tình trạng vợ chồng nhưng sau khi trở lại đoàn tụ, anh C không thay đổi mà vẫn tiếp tục tái diễn làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Hiện tại chị H đã về sống nhờ tại nhà chị gái của chị và xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, chị yêu cầu được ly hôn anh C. Anh C cũng xác định tình cảm vợ chồng hiện tại đã hết và nhất trí ly hôn.

Xét thấy, tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thỏa thuận ly hôn của anh C, chị H là tự nguyện, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh C là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung:

Chị H, anh C có ba con chung: Chị H có yêu cầu nuôi cả 3 con, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Anh C chấp nhận giao cả 3 con cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi cả ba con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Cả 3 con có đơn trình bày nguyện vọng đều xin được ở với mẹ để thuận lợi việc học hành nên việc thỏa thuận giao con của chị H và anh C là phù hợp, tuy nhiên việc cấp dưỡng hàng tháng anh, chị không thống nhất nên Hội đồng xét xử cần xử giao ba con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh C cấp dưỡng hàng tháng nuôi các con một số tiền phù hợp với thu nhập của anh và nhu cầu của các con là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản chung: Chị H, anh C thống nhất vợ chồng có tổng toàn bộ tài sản chung trị giá 504.900.000 đồng. Anh, chị đã thỏa thuận giao toàn bộ nhà, đất và tất cả vật dụng trong nhà cho chị H được sở hữu, sử dụng. Chị H trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã L 93.000.000 đồng và lãi theo hợp đồng và giao chênh lệch tài sản cho anh C 200.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự cần công nhận là phù hợp với các điều 59, 60, 62, 63 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh C đã tạm nộp 1.000.000 đồng để thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ nhà và đất ở, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã chi phí hết 500.000 đồng còn lại số tiền 500.000 đồng anh C đã nhận lại ngày 02/4/2018. Chị H, anh C thỏa thuận anh C chịu toàn bộ nên cần công nhận sự thỏa thuận là phù hợp với Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn, án phí tài sản trên phần giá trị mình được hưởng và 1/2 án phí của giá trị mà vợ chồng có nghĩa vụ với bên thứ ba. Anh C phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, án phí tài sản trên phần giá trị mình được hưởng và 1/2 án phí trên giá trị mà vợ chồng có nghĩa vụ với bên thứ ba theo luật định.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Xuân C.

2. Về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 24/9/2002, Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 15/3/2008 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 20/8/2009. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 1.500.000 đồng (mỗi con 500.000đồng/tháng) kể từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi con tròn 18 tuổi) Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung: Áp dụng các Điều 59, 60, 62, 63 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai xử; Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Xuân C:

* Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H được sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

- Một tủ nhựa trị giá: 1.000.000 đồng
- Một bếp ga trị giá: 200.000 đồng
- Một giường trị giá: 200.000 đồng
- Một tivi trị giá: 500.000 đồng
- Một tủ lạnh trị giá: 2.000.000 đồng
- Một máy giặt trị giá: 1.000.000 đồng
- Một nhà xây hình ống diện tích 98m² trị giá: 100.000.000 đồng
- Diện tích đất 102,4m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 978219, ngày 31/5/2013 tại thôn Q, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình mang tên Nguyễn Xuân C và Nguyễn Thị Thu H trị giá: 400.000.000 đồng. Tổng cộng: 504.900.000 đồng, nhưng chị H có trách nhiệm thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân xã L khoản nợ gốc 93.000.000 đồng và lãi từ ngày 06/3/2018 theo hợp đồng tín dụng số: 21111.170188/HĐTD ngày 06/3/2017.

Chị H có nghĩa vụ giao chênh lệch tài sản cho anh C số tiền: 200.000.000đồng.

Giá trị tài sản còn lại chị H được nhận là: 211.900.000đồng.

* Anh C được nhận chênh lệch tài sản từ chị H 200.000.000đồng.

4. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh C và chị H, anh C chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 500.000đồng (anh C đã nộp đủ).

5. Án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, danh mục án phí, lệ phí tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 12.920.000 đồng án phí tài sản. Tổng cộng: 13.220.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 3.300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: 0001601 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, chị H còn phải nộp tiếp 9.920.000đồng.

Anh C phải chịu 300.000đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và 12.325.000 đồng án phí tài sản. Tổng cộng: 12.625.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị H, anh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/4/2018. Quý tín dụng nhân dân xã L được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- Tòa án tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- UBND xã LiênThủy(để biết);
- Lưu: HS;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thị Nhàn